

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HIỆP HOÀ  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2022/DS-ST**

Ngày 11/02/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HOÀ, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Toàn

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Xuân Trường

2/ Ông Trương Đức Lâm

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Huệ-Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị H Nhung- Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 02 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2021/TLST-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2021/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Tạ Văn T, sinh năm 1953; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh B- Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Văn H, Sinh năm: 1986; Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Đặng Thị M, sinh năm 1958 (vợ ông T); Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh B- Có đơn xin vắng mặt.

2. Bà Dương Thị H, sinh năm 1992 (vợ ông H); Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện H, tỉnh B- Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2021, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn (ông Tạ Văn T) trình bày:*

Ông và ông Đặng Văn H có mối quan hệ quen biết vì là người cùng thôn, ông H có đến hỏi vay tiền của gia đình ông, biết ông H mở xưởng, mua máy làm đồ gỗ tại nhà

nên ông đã tin tưởng, đồng ý cho ông H vay tiền 2 lần, cụ thể: Ngày 14/11/2016 ông H vay 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, không ghi thời hạn vay; Ngày 13/6/2017 ông H nói với ông đang nhờ ông Q- Tổ trưởng tổ vay vốn vay cho 250 triệu đồng nên cần 30.000.000đ để đem đến ngân hàng đảo sổ cũ vay mới thì mới có tiền trả cho ông cả gốc và lãi 02 lần vay. Vì thấy ông H vay tuy chưa trả gốc nhưng lãi hàng tháng có trả cho ông nên ông đã đồng ý cho H vay thêm 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), ông H nhận tiền và viết giấy biên nhận, lãi suất thỏa thuận cũng 2%/tháng, ông H hứa lấy được tiền vay ngân hàng sẽ trả tiền gốc 2 lần vay là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng). Sau đó do ông H không vay được tiền của Ngân hàng, ông đến đòi tiền thì ông H nói không trả được gốc. Số tiền vay lần 2 ông H chỉ trả lãi được 03 tháng đầu, sau đó ông H khát nợ vì đang chờ tiền bên nhà vợ hỗ trợ. Đến ngày 30/7/2019, biết ông H có tiền mua ao của Hợp tác xã là 20 triệu đồng, Hợp tác xã trả lại vì H không có khả năng nộp thêm tiền để mua ao, ông đã nhờ trưởng thôn cho ông nhận của ông H 20 triệu đồng để trừ vào tiền lãi mà ông H đang nợ ông. Như vậy, ông H còn nợ ông 90 triệu đồng tiền gốc và tiền lãi từ tháng 6/2019 đến nay. Do ông H không trả được tiền gốc và lãi nên ông đã làm đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết để buộc ông Đặng Văn H và bà Dương Thị H phải thanh toán trả cho vợ chồng ông tiền gốc 90 triệu và tiền lãi từ tháng 6/2019 đến nay theo quy định của pháp luật. Khi có đơn khởi kiện gửi đến Tòa án thì ông H có đến gia đình ông nói chuyện và thỏa thuận đối với số tiền mà ông đang khởi kiện ông H. Ngày 22/7/2021 (âm lịch) tức ngày 29/8/2021 giữa ông và ông H có thỏa thuận, ông H còn nợ ông tổng cộng số tiền gốc và lãi là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), ông H có viết giấy hẹn trả ông số tiền từ 5 triệu đến 10 triệu đồng hàng tháng. Tuy nhiên, đến nay ông H vẫn không thanh toán cho ông được bất cứ khoản tiền nào. Ông xác định số tiền 120 triệu đồng mà ông H ký nhận nợ với ông ngày 22/7/2021 (âm lịch) bao gồm số tiền nợ gốc là 90 triệu đồng mà ông có đơn khởi kiện ông H tại Tòa án và 30 triệu đồng tiền lãi của số tiền 90 triệu từ tháng 6/2019 đến ngày 22/7/2021 (âm lịch). Nay ông xác định ông H, bà H còn nợ ông số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng), ngoài ra ông H không còn nợ ông khoản tiền nào khác. Ông yêu cầu ông H, bà H phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) còn nợ theo thỏa thuận ngày 22/7/2021 (âm lịch), ông không yêu cầu ông H phải thanh toán tiền lãi trên số tiền 120 triệu mà ông H đã nhận nợ với ông, ngoài ra ông không yêu cầu gì khác.

*Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Đặng Văn H, bà Dương Thị H):* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của ông H, bà H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai của ông H, bà H. Tòa án cùng với cán bộ địa phương về trực tiếp tại gia đình ông H, bà H nhiều lần nhưng ông H, bà H không có mặt ở nhà. Bố, mẹ đẻ của ông H (là ông Đặng Văn H và bà Trần Thị M) và địa phương cung cấp: Ông H hiện làm nghề tự do không cố định chỗ nào, thường xuyên đi làm từ sáng sớm đến tối muộn mới về; còn bà H đi làm công ty cũng đi từ sáng sớm đến tối muộn, công ty cụ thể, địa chỉ ở đâu thì địa phương và gia đình không nắm rõ. Gia đình có nhận được giấy triệu tập của Tòa án triệu tập ông H lên Tòa án làm việc về việc ông

T có đơn khởi kiện yêu cầu ông H trả tiền vay, ông H, bà H đã biết việc này. Gia đình xác định ông H có vay nợ của ông T, nhưng do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên gia đình đề nghị ông T cho ông H được trả dần số tiền còn nợ.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà Đặng Thị M) trình bày:* Bà nhất trí với ý kiến của ông Tạ Văn T- chồng bà.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xét đã đảm bảo đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản đúng quy định của pháp luật, đối với bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn không chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 275; 463, 466, 468, 469; Điều 288; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử:Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn T.

Buộc ông Đặng Văn H và bà Dương Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả ông Tạ Văn T và bà Đặng Thị M số tiền còn nợ theo thỏa thuận giữa hai bên ngày 29/8/2021 là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

*Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Đặng Văn H và bà Dương Thị H phải liên đới chịu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm; Ông Tạ Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

### **[1]. Về thủ tục tố tụng:**

Ông Đặng Văn H và bà Dương Thị H (là bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên toà xét xử lần thứ 2 nhưng đương sự vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự có tên nêu trên.

Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2021 của ông Tạ Văn T đây xác định là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản, quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

### **[2]. Về quan hệ tranh chấp:**

[2].1. Ông Tạ Văn T và ông Đặng Văn H tự nguyện thỏa thuận cho nhau vay tiền theo hợp đồng vay đề ngày 14/11/2016, ngày 13/6/2017 và giấy hẹn trả nợ đề ngày 22/7/2021 (âm lịch), được xác nhận là hợp đồng hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

[2].2. Xét yêu cầu của ông Tạ Văn T yêu cầu ông Đặng Văn H phải trả số tiền 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng) theo thỏa thuận giữa hai bên ngày

22/7/2021 (âm lịch) bao gồm 90 triệu đồng tiền gốc và 30 triệu đồng tiền lãi tính từ tháng 6/2019 đến ngày 22/7/2021 (âm lịch), thấy rằng: Ông T xác định sau khi ký kết các hợp đồng vay tài sản ông T đã giao đủ cho ông Đặng Văn H số tiền vay lần 1 là 60.000.000đ, lần 2 là 30 triệu đồng, ông H đã nhận đủ tiền. Đến hạn trả tiền ông T đã đến gia đình ông H đòi nhiều lần nhưng ông H không trả được số tiền nào. Gia đình là ông Tạ Văn H và bà Trần Thị M là bố và mẹ đẻ của ông H cũng xác nhận ông H có nợ tiền vay của ông T và đề nghị ông T cho ông H được trả dần vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn.

Đối với ông Đặng Văn H và bà Dương Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của ông H, bà H đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vậy không có lời khai của ông H, bà H tại Tòa án. Do đó, hậu quả của việc ông H, bà H không đưa ra ý kiến, quan điểm gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng nhưng không đưa ra tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình thì ông H, bà H phải tự chịu trách nhiệm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy trong giấy vay tiền mặc dù chỉ có một mình ông H ký nhận vay tiền, ông T xác định ông H vay tiền là để sản xuất, kinh doanh đồ gỗ phục vụ kinh tế gia đình ông H. Quan hệ giữa ông Đặng Văn H và bà Dương Thị H là quan hệ vợ chồng, vì vậy thu nhập hợp pháp cũng như nợ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là thu nhập và nợ chung của vợ chồng. Căn cứ vào Điều 288 của Bộ luật dân sự và Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình thì ông H, bà H phải chịu trách nhiệm liên đới đối với việc thanh toán tiền phường còn nợ nêu trên cho ông T là phù hợp. Do đó yêu cầu của ông Tạ Văn T yêu cầu ông Đặng Văn H và bà Dương Thị H phải thanh toán trả tiền vay gốc còn nợ là 90.000.000đ (Chín mươi triệu đồng) cần được chấp nhận.

- Đối với yêu cầu của ông Tạ Văn T yêu cầu ông Đặng Văn H và bà Dương Thị H phải thanh toán cho ông T, bà M số tiền lãi phát sinh từ tháng 6/2019 đến ngày 22/7/2021 (âm lịch) theo thoả thuận giữa hai bên thấy rằng: Thoả thuận giữa ông T và ông H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, yêu cầu của ông Tạ Văn T yêu cầu ông Đặng Văn H và bà Dương Thị H phải thanh toán trả tiền lãi theo thoả thuận là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cần được chấp nhận.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của ông Tạ Văn T được chấp nhận, vì vậy ông Tạ Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ông Đặng Văn H và bà Dương Thị H phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng các Điều 275; 463, 466, 468, 469; Điều 288; khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tạ Văn T.

Buộc ông Đặng Văn H và bà Dương Thị H phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả ông Tạ Văn T và bà Đặng Thị M số tiền còn nợ theo thoả thuận giữa hai bên ngày 29/8/2021 là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

*Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Ông Đặng Văn H và bà Dương Thị H phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định; Ông Tạ Văn T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời H thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án vắng mặt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Tòa án ND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Xuân Toàn**